**Tuần 22**

***TIẾT 85*. LUYỆN TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN**

**TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Lập luận trong đời sống:**

***1.Xác định luân cứ, lập luận và mối quan hệ của chúng.***

a. Hôm nay trời mưa, chúng ta không đi chơi nữa

Luận cứ Kết luận

b. Em rất thích đọc sách, vì qua sách em học được

nhiều điều.

Kết luận Luận cứ

c.Trời nóng quá, đi ăn kem đi

Luận cứ Kết luận

- Luận cứ và kết luận ,chúng có mối quan hệ nguyên nhân kết quả

- Có thể thay đổi được vị trí của luận cứ và

kết luận.

***2.Bổ sung luận cứ cho các kết luận***

a.Em rất yêu trường em, vì ở đó có các bạn mà em yêu quý.

b. Nói dối rất có hại, vì nói biến con người ta trở thành không trung thực.

c.Tôi rất mệt rồi, nghỉ một lát nghe nhạc thôi

d.ở nhà, trẻ em cần biết nghe lời cha mẹ.

e. Những ngày nghỉ, em rất thích đi tham quan

***3.Viết tiếp kết luận cho các luận cứ:***

a. ……. đi chơi đi

b. ……chẳng biết học môn nào trước.

c………ai cũng khó chịu

d……... Thì phải gương mẫu chứ.

e. …….. nên chẳng chú ý đến việc học.

**II. Lập luận trong văn nghị luận:**

- So sánh:

***1. Giống nhau***: đều là những kết luận

***2. Khác nhau***:

a, Về hình thức:

- Lập luận trong đời sống hàng ngày thường được diễn đạt bằng một câu.

- Lập luận trong văn nghị luận thường được diễn đạt bằng một tập hợp câu.

b, Về nội dung ý nghĩa:

- Trong đời sống, lập luận thường mang cảm tính, tính hàm ẩn, không tường minh.

- Lập luận trong văn nghị luận đòi hỏi có tính lý luận, chặt chẽ,khái quát, và tường minh.

=>Tác dụng

- Là cơ sở để triển khai luận cứ

- Là kết luận của lập luận.

**III.Luyện tâp:**

**Tiết 86: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**I.Đặc điểm của trạng ngữ:**

**1. Xét VD (**SGK/39)

\* Xác định trạng ngữ:

- *Dưới bóng tre xanh* → bổ sung về: địa điểm

- *đã từ lâu đời* → bổ sung về thời gian

- *Từ nghìn đời nay* → bổ sung về thời gian.

→ TN có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu, thường nhận biết bằng một quãng ngắt hơi khi nói, dấu phảy khi viết.

***2.*** Ghi nhớ:SGK/39

**II. Luyện tập:**

***1. Bài tập1***: Cụm từ *mùa xuân* lần lượt:

*Mùa xuân* 4: vị ngữ

a. *Mùa xuân* (1,2,3): Chủ ngữ

b. Trạng ngữ

c. Phụ ngữ trong cụm động từ

d. Câu đặc biệt:

***2. Bài tập 2,3***

a Như báo trước… tinh khiết→ TN cách thức

+Trong cái vỏ xanh kia → TN nơi chốn

+Dưới ánh nắng → TN nơi chốn

b.Với khả năng thích ứng.. trên đây.→ TN chỉ phương tiện.

**\* Các loại trạng ngữ khác:**

- Trạng ngữ chỉ mục đích:

Vd: Các anh chiến sĩ hy sinh anh dũng để bảo vệ tổ quốc.

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân:

Ví dụ: Con gà tốt mã vì lông

- TR chỉ phương tiện: Ông tôi thường đi dạo *bằng chiếc xe đạp cũ.*

**Tiết 87:**  **TÌM HIỂU CHUNG VỀ**

**PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**I. Mục đích, phương pháp chứng minh**

***1. Ví dụ***

a. Trong đời sống:

- Cần chứng minh khi bị nghi ngờ, hàm oan, muốn khẳng định sự thật.

- Đưa ra số liệu, nhân chứng, bằng chứng, vật chứng ....

-> Chứng minh là đưa ra bằng chứng, dùng sự thật (chứng cứ xác thực) để chứng tỏ điều gì đó là đáng tin.

b. Trong văn bản nghị luận

- Dùng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận để chứng tỏ luận điểm là đáng tin cậy.

c. Bài văn: “Đừng sợ vấp ngã”

- Khuyên con người: đừng sợ vấp ngã, không sợ sai lầm

-> Vấp ngã là đương nhiên (dẫn chứng)

- Những người nổi tiếng cũng đã từng vấp ngã (dẫn chứng: 5 danh nhân)

-> Dẫn chứng chân thực, tiêu biểu, toàn diện.

=> Dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực để chứng tỏ luận điểm là đáng tin cậy.

Lý lẽ, dẫn chứng phải được lựa chọn, thẩm tra và phân tích

***2. Ghi nhớ***: (sgk/42)

**II. Luyện tập**

Bài tập:

- Luận điểm: không sợ sai lầm.

- Luận cứ:

+ Sống không phạm sai lầm -> ảo tưởng, hèn nhát.

+ Sợ sai lầm -> không dám làm gì

-> Hiển nhiên, có sức thuyết phục.

- So sánh:

+ Đừng ... ngã: chủ yếu dùng dẫn chứng

+ Không .... lầm: chủ yếu

**Tiết 86-87: LUYỆN NÓI VỀ QUAN SÁT, TƯ­ỞNG T­ƯỢNG, SO SÁNH VÀ NHẬN XÉT TRONG VĂN MIÊU TẢ**

I**. Yêu cầu của tiết luyện nói:**

-Tác phong: đàng hoàng, chững chạc, tự tin

- Cách nói: rõ ràng, mạch lạc, không ấp úng.

- Nội dung: đảm bảo theo yêu cầu của đề.

**II. Luyện nói**

***Bài 1:***

a. Nhân vật Kiều Phư­ơng:

- Hình dánmặt lọ lem, mắt sáng, miệng rộng, răng khểnh

- Tính cách: hồn nhiên, trong sáng, nhân hậu, độ lư­ợng tài năng

b. Nhân vật ngư­ời anh:

- Hình dáng: không tả rõ nh­ưng có thể suy ra từ cô em gái, chẳng hạn: gầy, cao, đẹp trai, sáng sủa.

- Tính cách: ghen tị, nhỏ nhen, mặc cảm, ân hận, ăn năn, hối lỗi.

- Hình ảnh ng­ười anh thực và ng­ười anh trong bức tranh, xem kĩ thì không khác nhau. Hình ảnh ngư­ời anh trai trong bức tranh thể hiện bản chất và tính cách của ng­ười anh qua cái nhàn trong sáng, nhân hậu của ng­ười em.

***Bài 2***

\* Lập dàn ý: nói về anh (chị) hoặc em mình?

- Gt người mình định nói.

- Nêu đặc điểm nổi bật của người đó:

+ Ngoại hình

+ Tính cách

+ Nội tâm

- T/c của em đối với người đó: gầy, thanh mảnh

**Bài 3:**

a,Lập dàn ý cho bài văn: tả một đêm trăng nơi em ở

- Đó là một đêm trăng như thế nào? ở đâu? ( nhận xét)

+ VD: Một đêm trăng kì diệu. Một đêm trăng mà tất cả đất trời, con người, vạn vật như đang tắm gội bởi ánh trăng...

- Đêm trăng có gì đặc sắc, tiêu biểu:

+ Bầu trời, đêm, vầng

trăng,ánh sao, cây cối, nhà cửa, đường làng, ngõ xóm, con người... (quan sát)

- Những hình ảnh so sánh, liên tưởng, tưởng tượng...

VD:

+Bầu trời như chiếc lồng bàn xanh khổng lồ úp xuống vạn vật.

+ Trăng là cái liềm vàng giữa đồng sao.

+ .....

b, Luyện nói:

**Bài 4:**

a,Lập dàn ý cho bài văn: tả quang cảnh một buổi sáng trên biển.

- Yêu cầu: Lập dàn ý tả cảnh biển buổi sáng, chú ý một số hình ảnh những liên tưởng, so sánh:

+ Mặt trời: như quả cầu lửa

+ Bầu trời: Trong veo, rực lửa phía chân trời

+ Mặt biển: như tấm lụa mênh mông, bồng bềnh từng lớp sóng.

+ Bãi cát: Mịn màng, mát rượi

+ Những con thuyền: Mệt mỏi, uể oải, nằm nghếch đầu lên bãi cát

b, Luyện nói:

**Bài 5:** a, Lập dàn ý cho bài văn: tả hình ảnh một người dũng sĩ trong truyện cổ đã học theo trí tưởng tượng của mình:

-Thạch Sanh: đẹp, dũng cảm, nhân hậu.

+ Ngoại hình:

+ Nội tâm:

+ Hành động tiêu biểu:

b, Luyện nói: